

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 19- 12 - 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đức Trình.
- Ông Nguyễn Thanh Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số F đường Đ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QSĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1). Địa chỉ: Tầng A (Tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Q1 – Khối Ngân hàng bán lẻ V1. Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P - Số B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Khánh H1 - Chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và X và T - Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng Q1 – Khối Ngân hàng bán lẻ V1.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Tiến H2, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (V1). Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P - Số B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Ông Lê Huy T, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (V1). Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P - Số B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Ông Trần Tiến L, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (V1). Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P - Số B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Ngô Thị D, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP Q (V1)** trình bày:

Ngày 26/4/2022, bà **Ngô Thị D** có ký kết với **Ngân hàng TMCP Q (V1)** (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 4873246.22 vay số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ đắp vốn tự có mua bất động sản; Thời hạn vay: 310 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 12.9%/năm, lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo từng sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm; Ngày trả gốc: Hoàn trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 25, ngày trả đầu tiên là ngày 25/05/2022 với số tiền 1.613.000 đồng; Ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 25, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 25/05/2022. Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 364-2, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: **Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 734031 do Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 08/10/2012 cập nhật đứng tên bà **Ngô Thị D** ngày 24/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 4873096.22 ngày 26/04/2022 đã được công chứng tại **Văn phòng C** ngày 26/04/2022, số công chứng 5416, quyền số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD.

Tính đến hết ngày 18/12/2023, bà **Ngô Thị D** còn nợ của **Ngân hàng TMCP Q** số tiền là 521.314.959 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu ba trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc là 418.074.097 đồng (Bốn trăm mười tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 18/12/2023 là 103.240.862 đồng (Một trăm không ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng).

Do bà **Ngô Thị D** vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng tín dụng và thời gian đã lâu mà bà **Ngô Thị D** không trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc bà **Ngô Thị D** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 521.314.959 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu ba trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc là 418.074.097 đồng (Bốn trăm mười tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 18/12/2023 là 103.240.862 đồng (Một trăm không ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng) và khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh từ ngày 19/12/2023 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc.

Trong trường hợp bà **Ngô Thị D** không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số 4873096.22 ngày 26/04/2022 đã được công chứng tại **Văn phòng C** ngày 26/04/2022 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ

thanh toán hết khoản nợ thì bà **Ngô Thị D** phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng, buộc bà **Ngô Thị D** toàn bộ án phí và chi phí tố tụng.

Quá trình tố tụng, sau khi thụ lý vụ án, bị đơn bà **Ngô Thị D** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng quá thời hạn quy định mà bà **D** vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 08/5/2023, ngày 17/7/2023 và ngày 19/9/2023, Tòa án đã niêm yết, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **Ngô Thị D** đều vắng mặt nên không ghi được lời khai, không hòa giải được. Ngày 19/9/2023, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với Tài sản thế chấp nhưng bà **D** vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành niêm yết Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định. Vì những lý do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các quy định pháp luật; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà **Ngô Thị D** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 521.314.959 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu ba trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc là 418.074.097 đồng (Bốn trăm mười tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 18/12/2023 là 103.240.862 đồng (Một trăm không ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng) và khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh từ ngày 19/12/2023 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc.

Trong trường hợp bà **Ngô Thị D** không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số 4873096.22 ngày 26/04/2022 đã được công chứng tại **Văn phòng C** ngày 26/04/2022 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà **Ngô Thị D** phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng, buộc bà **Ngô Thị D** toàn bộ án phí và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà **Ngô Thị D** đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị Dư.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V1) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Ngô Thị D, có nơi cư trú tại Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về số tiền vay: Bà Ngô Thị D ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q (V1) (gọi tắt là Ngân hàng) số 4873246.22 vay số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ đắp vốn tự có mua bất động sản; Thời hạn vay: 310 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 12.9%/năm, lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo từng sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm; Ngày trả gốc: Hoàn trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 25, ngày trả đầu tiên là ngày 25/05/2022 với số tiền 1.613.000 đồng; Ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 25, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 25/05/2022. Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 364-2, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 734031 do Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 08/10/2012 cập nhật đứng tên bà Ngô Thị D ngày 24/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 4873096.22 ngày 26/04/2022 đã được công chứng tại Văn phòng C ngày 26/04/2022, số công chứng 5416, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Căn cứ Hợp đồng tín dụng, hai bên thỏa thuận phương thức, thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ; trả nợ gốc, lãi, tiền vay và cơ cấu nợ; bảo đảm tiền vay; lãi suất cho vay, lãi chậm trả..... tại Hợp đồng tín dụng. Xét chủ thể ký kết, nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 117; Điều 118; Điều 119 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện.

Xét bên vay đã vi phạm hợp đồng không thanh toán đúng hạn, đã quá thời hạn trả nợ. Căn cứ Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ngô Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 521.314.959 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu ba trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc là 418.074.097 đồng (Bốn trăm mười tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 18/12/2023 là 103.240.862 đồng (Một trăm không ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng) và khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh từ ngày 19/12/2023 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc.

Về tài sản thế chấp quyền sử dụng đất:

Xét khi vay tiền của Ngân hàng, bà **Ngô Thị D** đã thế chấp tài sản đảm bảo khoản vay là thửa đất, diện tích 71,6 m², tại **Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế** đã được Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 08/10/2012, đứng tên bà **Ngô Thị D**, số thửa 364-2, tờ bản đồ số 12, diện tích 71,6 m², tại **Thôn L, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, chuyển nhượng cho bà **Ngô Thị D** theo hồ sơ số 000138 ngày 24/3/2022, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4873096.22 ngày 26/04/2022 đã được công chứng tại **Văn phòng C** ngày 26/04/2022. Căn cứ Điều 317; Điều 320 Bộ luật Dân sự; Do đó, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc bà **Ngô Thị D** trả nợ số tiền trên. Nếu trường hợp bà **Ngô Thị D** không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số 4873096.22 ngày 26/04/2022 đã được công chứng tại **Văn phòng C** ngày 26/04/2022 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà **Ngô Thị D** phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho **Ngân hàng TMCP Q (V1)**.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ với chi phí là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; buộc bị đơn bà **Ngô Thị D** phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; nên buộc bị đơn bà **Ngô Thị D** phải hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q (V1)**.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị đơn bà **Ngô Thị D** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 24.572.617 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm mười bảy đồng). [20.000.000 đồng + (514.315.430 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 24.572.617 đồng].

Hoàn trả lại cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q (V1)** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.912.000 đồng (Mười một triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 317; Điều 320; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà **Ngô Thị D** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP Q (V1)** số tiền là 521.314.959 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu ba trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc là 418.074.097 đồng (Bốn trăm mười tám triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 18/12/2023 là 103.240.862 đồng (Một trăm không ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng) và khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh từ ngày 19/12/2023 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp bà **Ngô Thị D** không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số 4873096.22 ngày 26/04/2022 đã được công chứng tại **Văn phòng C** ngày 26/04/2022 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà **Ngô Thị D** phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho **Ngân hàng TMCP Q (V1)**.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà **Ngô Thị D** phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; nên buộc bị đơn bà **Ngô Thị D** phải hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q (V1)**.

4. Về án phí: Buộc bà **Ngô Thị D** phải chịu 24.572.617 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm mười bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP Q (V1)** số tiền tạm ứng án phí là 11.912.000 đồng (Mười một triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003789 ngày 30/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CCTHADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân